

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	4,30	2,00	2,70	
2	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	5,30	3,00	3,70	
3	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	3,50	5,00	4,60	
4	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	3,30	5,00	4,50	
5	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	,50	,00	,20	
6	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	,50	,00	,20	
7	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	,30	,00	,10	
8	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994	4,30	,00	1,30	
9	Trần Văn	Kiên	3671040079	15/07/1994	4,50	,00	1,40	
10	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	1,30	,00	,40	
11	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	,80	,00	,20	
12	Phạm Văn	Thông	3671040090	05/11/1994	6,50	8,30	7,80	
13	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	3,30	,00	1,00	
14	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	4,50	2,50	3,10	
15	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	5,00	,00	1,50	
16	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	2,30	3,50	3,10	
17	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	1,50	,50	,80	
18	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	3,80	,00	1,10	
19	Bùi Hữu	Quyền	3671040170	20/02/1992	1,80	4,50	3,70	
20	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	2,00	1,50	1,70	
21	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	4,30	4,00	4,10	
22	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	3,80	,00	1,10	
23	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	2,50	,00	,80	
24	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	3,50	3,80	3,70	
25	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	,00	,00	,00	
26	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	2,50	5,00	4,30	
27	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	2,30	3,30	3,00	
28	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994	4,50	5,00	4,90	
29	Vũ Ngọc	Đức	3671040274	04/03/1993	2,50	6,30	5,20	
30	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	1,00	,00	,30	
31	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994	1,30	5,30	4,10	
32	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	3,00	3,50	3,40	
33	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994	4,00	3,30	3,50	
34	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993	,50	3,50	2,60	
35	Phạm Phương	Cương	3671040336	19/10/1994	2,80	6,30	5,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đồng Quang	Ly	3671040344	28/10/1992	4,00	,00	1,20	
37	Huỳnh Ngọc	Tân	3671040354	26/04/1994	1,30	3,50	2,80	
38	Vũ Minh	Hùng	3671040371	18/03/1994	2,30	4,30	3,70	
39	Lê Quang	Đông	3671040388	02/01/1994	4,30	3,30	3,60	
40	Võ Minh	Cương	3671040422	08/07/1994	3,80	,00	1,10	
41	Nguyễn Đức	Trọng	3671040434	07/04/1994	3,50	4,50	4,20	
42	Nguyễn Văn	Khánh	3671040442	21/10/1993	,50	,00	,20	
43	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993	4,80	4,80	4,80	
44	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	3,30	3,30	3,30	
45	Nguyễn Tấn	Đạt	3671040471	03/08/1993	,80	,00	,20	
46	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994	4,30	7,30	6,40	
47	Nguyễn Văn	Mạnh	3671040484	06/09/1994	,00	,00	,00	
48	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994	4,80	4,50	4,60	
49	Lương Hoàng Phước	Trân	3671040499	19/01/1993	,00	,00	,00	
50	Trần Đình	Hiếu	3671040501	15/07/1994	5,00	8,30	7,30	
51	Huỳnh Tấn	Phát	3671040505	04/09/1994	3,30	3,00	3,10	
52	Phan Tuấn	Anh	3671040509	19/11/1994	3,00	,00	,90	
53	Vũ Hải	Đặng	3671040512	19/08/1994	3,30	,50	1,30	
54	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993	1,00	,00	,30	
55	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994	1,30	,00	,40	
56	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993	3,80	3,80	3,80	
57	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	2,00	3,50	3,10	
58	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994	2,30	4,00	3,50	
59	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994	,50	3,30	2,50	
60	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994	,30	,00	,10	CT
61	Hồ Văn	Đạt	3671040572	28/10/1994	6,50	8,50	7,90	
62	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993	2,50	,00	,80	
63	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	2,00	2,80	2,60	
64	Nguyễn	An	3671040575	24/06/1993	1,50	,00	,50	
65	Nguyễn Văn	Nam	3671040580	15/03/1993	3,30	4,50	4,10	
66	Nguyễn Trần Đông	Triệu	3671040615	01/01/1994	,30	,00	,10	
67	Biền Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	4,80	3,50	3,90	
68	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	1,50	4,00	3,30	
69	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994	4,00	5,30	4,90	
70	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	2,50	,00	,80	CT
71	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	3,80	4,80	4,50	
72	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	,00	4,00	2,80	
73	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	1,80	,00	,50	
74	Nguyễn Vương	Triều	3671041965	20/09/1994	4,80	,00	1,40	
75	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	3,00	1,50	2,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993	,50	,00	,20	
77	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	4,00	2,50	3,00	
78	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994	2,50	4,80	4,10	
79	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	3,80	6,50	5,70	
80	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989	1,80	,00	,50	CT
81	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	4,30	,00	1,30	
82	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	1,00	,00	,30	
83	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992	,00	,00	,00	CT
84	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994	6,00	3,30	4,10	
85	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	4,00	,00	1,20	

Tổng số : **SV**

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)